

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/07/2018

V/v: Ly hôn giữa chị T
và anh N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Từ Minh Hải

2/ Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T1 Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 20/07/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về tranh chấp “Ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1985 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T để giải quyết về việc phân chia tài sản: Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1965. Giấy ủy quyền ghi ngày 12/4/2018. Có mặt.

Đều địa chỉ: Thôn G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Giáp Văn N sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Giáp Văn N để giải quyết về việc phân chia tài sản: Ông Giáp Văn L1 sinh năm 1960 Giấy ủy quyền ghi ngày 22/6/2018 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 16, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Luật sư trợ giúp pháp lý cho anh N: Bà Ong Thị T1- Luật sư thuộc văn phòng luật sư H, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Giáp Văn N tháng 2/2006. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện L. Cưới xong chị và anh N về chung sống với nhau ngay, sống hòa thuận đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không xây dựng hạnh phúc được với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2007. Nay ly hôn cháu D ở với ai là quyền quyết định của cháu D, chị hoàn toàn chấp nhận theo nguyện vọng của cháu D. Nếu cháu D ở với chị, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T về việc phân chia tài sản là ông Nguyễn Văn V trình bày: Vợ chồng chị T, anh N phát triển được tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 50,85m², 01 bếp loại B có diện tích 16,25m², 7,7m² tường rào, 01 mái vẩy 15m², 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,78m² và 92,4m² đất ở. Số tài sản này hiện nay anh N đang quản lý sử dụng. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông xin được rút yêu cầu để tự giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Giáp Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn năm 2012 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2007. Nay ly hôn cháu D ở với ai là quyền quyết định của cháu D, anh hoàn toàn chấp nhận theo nguyện vọng của cháu D.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Giáp Văn N về việc phân chia tài sản là ông Giáp Văn L1 trình bày: Vợ chồng anh N phát triển được tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 50,85m², 01 bếp loại B có diện tích 16,25m², 7,7m² tường rào, 01 mái vẩy 15m², 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,78m² và 92,4m² đất ở. Nay ông không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông xin được rút yêu cầu để tự giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Luật sư trợ giúp pháp lý có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Nay chị T xin ly hôn và anh N cũng nhất trí ly hôn thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị T và anh N được ly hôn.

Về con chung: Cháu Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2017, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ và anh N thì hiện nay đang bị tàn tật thì tôi đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của cháu D, đảm bảo quyền lợi cho cháu D.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho nguyên đơn và bị đơn đều rút yêu cầu về chia tài sản chung. Vì vậy tôi đề nghị HĐXX chấp nhận ý kiến của các đương sự, để các đương sự tự giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án là đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án và đề nghị: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn N.

Về nuôi con chung: Giao con chung Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Áp dụng Điều 217; 218; Điều 244 BLTTDS đình chỉ việc xét xử chia tài sản chung vợ chồng của chị T, anh N đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, ông Giáp Văn L1.

Về án phí: Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 5.300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện L ngày 13/3/2018 theo biên lai thu số AA/2017/0003059.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Luật sư trợ giúp pháp lý và Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] **Về tố tụng:** Ngày 03/5/2018 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14/5/2018 nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chị T vắng mặt, hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa ấn định vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 30/5/2018. Nhưng tại phiên tòa bị đơn đề nghị Tòa án hoãn để mời luật sư trợ giúp pháp lý, hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2018. Các quyết định hoãn phiên tòa đã được giao cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Giáp Văn N là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân L1 vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2012, chị T và anh N đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng

không còn nên thiết tha xin được ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N không còn, căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị T và anh N được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh N có 01 con chung là Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2007. Hiện nay nguyện vọng của cháu D xin được ở với chị T, cả chị T và anh N đều nhất trí theo nguyện vọng của cháu D. Nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu D. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh N không trực tiếp nuôi con chung nên sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này xét thấy là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản*: Tại phiên tòa, ông V do chị T ủy quyền, ông L1 do anh N ủy quyền đều xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của chị T và anh N, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 217; Điều 218; Điều 244 BLTTDS đình chỉ việc xét xử đối với các yêu cầu này của ông V và ông L1.

[6] *Về tiền chi phí định giá tài sản*: Ngày 23/3/2018 chị T đã nộp cho Tòa án tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 3.500.000đ. Ngày 09/4/2018 Tòa án đã chi phí cho hội đồng định giá tài sản số tiền 3.000.000đ, còn số tiền 500.000đ Tòa án đã thanh toán trả cho chị T ngày 28/6/2018. Ông V đã nộp cho Tòa án số tiền 2.000.000đ để chi phí cho hội đồng định giá lại tài sản, Tòa án chi phí cho hội đồng định giá và đã thanh toán xong với ông V. Nay ông V xin chịu cả số tiền định giá tài sản, không yêu cầu anh N phải trả tiền chi phí định giá cho chị T, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị T, anh N phải chịu án phí ly hôn, án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật. Nhưng anh N, chị T thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí cho anh N, chị T.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn N.

2/ *Về nuôi con chung*: Giao con chung Giáp Thị D sinh ngày 31/3/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

* Áp dụng Điều 217; 218; Điều 244 BLTTDS đình chỉ việc xét xử chia tài sản chung vợ chồng của chị T, anh N đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, ông Giáp Văn L1.

3/ Về án phí:

Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 5.300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện L ngày 13/3/2018 theo biên lai thu số AA/2017/0003059.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND TT Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn